

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	9		
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM.....	10	CHƯƠNG IV. XUẤT KHẨU CÁ NGỪ.....	73
I. TỔNG QUAN	11	I. XUẤT KHẨU CÁ NGỪ	74
II. SẢN XUẤT	13	1. Sản phẩm cá ngừ xuất khẩu	74
III. XUẤT KHẨU	14	2. Thị trường xuất khẩu cá ngừ	75
1. Sản phẩm	14	3. Doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ	87
2. Thị trường	21	II. NHẬP KHẨU	88
3. Doanh nghiệp Xuất khẩu	27	CHƯƠNG V. XUẤT KHẨU MỰC BẠCH TUỘC VÀ HẢI SẢN KHÁC	89
IV. NHẬP KHẨU	29	I. MỰC – BẠCH TUỘC.....	90
1. Sản phẩm	29	1. Cơ cấu sản phẩm.....	90
2. Nguồn cung cấp	30	2. Thị trường.....	91
		3. Nhập khẩu mực, bạch tuộc	101
CHƯƠNG II: SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TÔM	31	II. NHUYỄN THỂ CÓ VỎ	102
I. NHẬN ĐỊNH CHUNG	32	1. Sản phẩm.....	102
II. SẢN XUẤT	32	2. Thị trường	103
1. Diện tích sản lượng	32	III. CUA GHE	106
2. Giá tôm nguyên liệu	33	1. Tình hình xuất khẩu	106
III. XUẤT KHẨU	35	2. Thị trường.....	107
1. Sản phẩm.....	35	IV. CHẢ CÁ, SURIMI	108
2. Thị trường.....	36	1. Tình hình xuất khẩu	108
3. Top doanh nghiệp xuất khẩu tôm.....	54	2. Thị trường.....	109
IV. NHẬP KHẨU	55		
		CHƯƠNG VI. THÁCH THỨC - CƠ HỘI – DỰ BÁO .	111
CHƯƠNG III. SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁ TRA..	56	I. THÁCH THỨC CHÍNH	112
I.SẢN XUẤT.....	57	II. CHƯƠNG TRÌNH THUẾ QUAN HOA KỲ, ĐẶC BIỆT LÀ THUẾ ĐỐI ỨNG – ẢNH HƯỞNG ĐẾN THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM	114
1. Sản lượng.....	57	III. CƠ HỘI	120
2. Giá cá tra nguyên liệu.....	57	IV. XU HƯỚNG - DỰ BÁO	122
II. XUẤT KHẨU.....	58		
1. Sản phẩm	58		
2. Thị trường.....	58		
3. Doanh nghiệp xuất khẩu cá tra	72		

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. XK thủy sản Việt Nam, theo sản phẩm, Q1/2025	12
Bảng 2. XK thủy sản Việt Nam, theo thị trường, Q1/2025	12
Bảng 3. Sản lượng thủy sản Q1/2025	13
Bảng 4. Top 10 sản phẩm thủy sản XK, Q1/2025	14
Bảng 5. Thị trường chính NK tôm Việt Nam, quý I/2025	15
Bảng 6. Thị trường chính NK cá tra Việt Nam, quý I/2025	17
Bảng 7. Thị trường chính NK tôm Việt Nam, quý I/2025	19
Bảng 8. Xuất khẩu thủy sản sang các nước thành viên EU, Q1/2025	20
Bảng 9. Top 10 thị trường XK thủy sản của Việt Nam, Q1/2025	21
Bảng 10. Xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc & HK quý I/2025, theo sản phẩm	22
Bảng 11. Xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản, quý I/2025, theo sản phẩm	23
Bảng 12. Xuất khẩu thủy sản sang Mỹ, quý I/2025, theo sản phẩm	24
Bảng 13. Xuất khẩu thủy sản sang EU, quý I/2025, theo sản phẩm	25
Bảng 14. Xuất khẩu thủy sản sang Hàn Quốc, quý I/2025, theo sản phẩm	26
Bảng 15. Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam Q1/2025	28
Bảng 16. NK thủy sản vào Việt Nam Q1/2025, theo loài (triệu USD)	29
Bảng 17. NK thủy sản vào Việt Nam Q1/2025, theo nguồn cung cấp (triệu USD)	30
Bảng 18. Sản phẩm tôm XK của Việt Nam, Q1/2025	35
Bảng 19. Xuất khẩu tôm sang các thị trường chính, Q1/2025 (triệu USD)	36
Bảng 20. Top 10 thị trường nhập khẩu tôm sú Việt Nam, Q1/2025	37
Bảng 21. Top 10 thị trường nhập khẩu tôm chân trắng Việt Nam, Q1/2025	37
Bảng 22. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang Mỹ, Q1/2025	39
Bảng 23. Top 10 DN xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Mỹ, Q1/2025	40
Bảng 24. Top nguồn cung tôm cho thị trường Mỹ, T1-T2/2025	41
Bảng 25. Sản phẩm tôm chính NK vào Mỹ, theo mã HS, T1-T2/2025	41
Bảng 26. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang EU, Q1/2025	43
Bảng 27. Top 10 DN xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Đức, Q1/2025	43
Bảng 28. Top các nước XK tôm cho EU (27)	44
Bảng 29. Top thị trường NK tôm lớn nhất EU (27)	44
Bảng 30. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang Nhật Bản, Q1/2025	47
Bảng 31. Top 10 DN xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Nhật Bản, Q1/2025	47
Bảng 32. Top nguồn cung tôm chính cho Nhật Bản, T1-T2/2025	48
Bảng 33. Sản phẩm tôm nhập khẩu chính của Nhật Bản, T1-T2/2025	48
Bảng 34. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang Hàn Quốc, Q1/2025	49
Bảng 35. Top 10 DN xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Hàn Quốc, Q1/2025	50
Bảng 36. Top nguồn cung tôm chính cho Hàn Quốc, T1-T2/2025	50
Bảng 37. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang Trung Quốc & HK, Q1/2025	52
Bảng 38. Top 10 DN xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Trung Quốc, Q1/2025	52
Bảng 39. Top nguồn cung tôm chính của Trung Quốc, T1-T2/2025	53

Bảng 40. Sản phẩm tôm nhập khẩu chính của Trung Quốc, T1-T2/2025	54
Bảng 41. Top 6 DN xuất khẩu tôm Việt Nam, Q1/2025 (triệu USD)	55
Bảng 42. Top 20 nguồn cung tôm cho Việt Nam, Q1/2025 (USD)	55
Bảng 43. Sản phẩm cá tra xuất khẩu Q1/2025	58
Bảng 44. XK cá tra sang các thị trường Q1/2025 (triệu USD)	59
Bảng 45. Sản phẩm cá tra XK sang Trung Quốc & HK, Q1/2025	61
Bảng 46. Top 10 DN cá tra sang Trung Quốc Q1/2025	62
Bảng 47. Sản phẩm cá tra XK sang Mỹ, Q1/2025	63
Bảng 48. Sản phẩm cá thịt trắng nhập khẩu của Mỹ, T1-T2/2024-2025	63
Bảng 49. Top 10 DN cá tra sang Mỹ Q1/2025	64
Bảng 50. Sản phẩm cá tra XK sang EU, Q1/2025	65
Bảng 51. XK cá tra sang các nước thành viên EU, Q1/2023-2024	66
Bảng 52. Top 10 DN cá tra sang Hà Lan, Q1/2025	67
Bảng 53. Top 10 DN cá tra sang Đức, Q1/2025	67
Bảng 54. Sản phẩm cá tra XK sang Mexico, Q1/2025	68
Bảng 55. Top 10 DN cá tra sang Mexico Q1/2025	69
Bảng 56. Sản phẩm cá tra XK sang Anh, Q1/2025	70
Bảng 57. Top 10 DN cá tra sang Anh, Q1/2025	70
Bảng 58. Sản phẩm cá tra XK sang Brazil, Q1/2025	71
Bảng 59. Top 10 DN cá tra sang Brazil Q1/2025	72
Bảng 60. Top 5 Doanh nghiệp XK cá tra Q1/2025	72
Bảng 61. Sản phẩm cá ngừ XK của Việt Nam, Q1/2025 (Triệu USD)	75
Bảng 62. XK cá ngừ của Việt Nam sang các thị trường, Q1/2025 (Triệu USD)	76
Bảng 63. Top 10 thị trường XK cá ngừ tươi/đông lạnh (HS 03) của Việt Nam, Q1/2025 (Triệu USD)	76
Bảng 64. Top 10 thị trường XK cá ngừ chế biến đóng hộp (HS 16) của Việt Nam, Q1/2025 (Triệu USD)	76
Bảng 65. Thị trường NK cá ngừ của Việt Nam, Q1/2025	77
Bảng 66. Sản phẩm cá ngừ Việt Nam XK sang Mỹ, Q1/2025 (triệu USD)	78
Bảng 67. Nhập khẩu cá ngừ đóng hộp của Mỹ, 2022 – 2024	80
Bảng 68. Top 10 DN Việt Nam XK cá ngừ sang Mỹ, Q1/2025	81
Bảng 69. Sản phẩm cá ngừ Việt Nam XK sang EU, Q1/2025 (triệu USD)	82
Bảng 70. Top 8 nguồn cung cá ngừ đóng hộp cho EU, 2022 – 2024	83
Bảng 71. Nguồn cung loin cá ngừ hấp cho EU, 2022 - 2024	83
Bảng 72. Top 10 DN Việt Nam XK cá ngừ sang EU, Q1/2025	84
Bảng 73. Sản phẩm cá ngừ Việt Nam XK sang Nhật Bản, Q1/2025 (triệu USD)	85
Bảng 74. Top 10 DN Việt Nam XK cá ngừ sang Nhật Bản, Q1/2025	87
Bảng 75. Nguồn cung cá ngừ đóng hộp cho Nhật Bản, 2022 - 2024	87
Bảng 76. Top 5 doanh nghiệp XK cá ngừ của Việt Nam, Q1/2025 (Triệu USD)	87
Bảng 77. Nguồn cung cá ngừ cho Việt Nam, Q1/2025 (USD)	88
Bảng 78. Sản phẩm mực, bạch tuộc xuất khẩu của Việt Nam, Q1/2025	91

Bảng 79. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang các thị trường chính, Q1/2025 (triệu USD)	92
Bảng 80 XK mực sang top 10 thị trường, Q1/2025	92
Bảng 81. XK bạch tuộc sang top 10 thị trường, Q1/2025	92
Bảng 82. Sản phẩm mực, bạch tuộc XK sang Hàn Quốc, Q1/2025	93
Bảng 83. Top DN Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang Hàn Quốc, Q1/2025	94
Bảng 84. Top nguồn cung chính mực, bạch tuộc cho Hàn Quốc, T1-T2/2025	95
Bảng 85. Sản phẩm mực, bạch tuộc nhập khẩu của Hàn Quốc, T1-T2/2025	95
Bảng 86. Sản phẩm mực, bạch tuộc XK sang Nhật Bản, Q1/2025	96
Bảng 87. Top DN Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang Nhật Bản, Q1/2025	96
Bảng 88. Top nguồn cung chính mực, bạch tuộc cho Nhật Bản, T1/2024	97
Bảng 89. Sản phẩm mực, bạch tuộc nhập khẩu của Nhật Bản, T1/2024	97
Bảng 90. Sản phẩm mực, bạch tuộc XK sang Trung Quốc & HK, Q1/2025	98
Bảng 91. Top DN Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang Trung Quốc, Q1/2025	99
Bảng 92. Top nguồn cung mực, bạch tuộc chính của Trung Quốc, T1-T2/2025	99
Bảng 93. Sản phẩm mực, bạch tuộc nhập khẩu chính của Trung Quốc, T1-T2/2025	100
Bảng 94. Sản phẩm mực, bạch tuộc XK sang EU, Q1/2025	100
Bảng 95. Top DN Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang Italy, Q1/2025	101
Bảng 96. Top 20 nguồn cung mực, bạch tuộc cho Việt Nam, Q1/2025	102
Bảng 97. XK nhuyễn thể có vỏ Việt Nam, quý I/2025 (USD)	103
Bảng 98. XK nhuyễn thể có vỏ quý I/2025, theo thị trường	104
Bảng 99. XK nghêu Quý I/2025, theo thị trường	105
Bảng 100. XK sò điệp và ốc sang các thị trường	105
Bảng 101. XK cua ghẹ và giáp xác khác của Việt Nam theo loài, quý I/2025 (triệu USD)	107
Bảng 102. XK cua ghẹ và giáp xác khác của Việt Nam theo sản phẩm, quý I/2025 (USD)	107
Bảng 103. XK cua ghẹ và giáp xác khác của Việt Nam sang các thị trường, Q1/2025 (triệu USD)	108
Bảng 104. Top 10 DN Việt Nam XK cua ghẹ của Việt Nam, quý I/2025	108
Bảng 105. XK chả cá và surimi của Việt Nam sang các thị trường, quý I/2025 (triệu USD)	110
Bảng 106. Top 10 DN Việt Nam XK chả cá và surimi của Việt Nam, Quý I/2025	110
Bảng 107. Chương trình thuế nhập khẩu đối ứng mới của Hoa Kỳ (2025)	114
Bảng 108. Danh mục thuế các sản phẩm thủy sản chính của VN vào Mỹ (cập nhật 07/4/2025)	117

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

BĐ 1. Giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam, QI/2022-2025	11
BĐ 2. Xuất khẩu tôm Việt Nam, QI/2022-2025	15
BĐ 3. Xuất khẩu cá tra Việt Nam, QI/2022-2025	16
BĐ 4. Xuất khẩu cá ngừ Việt Nam, QI/2022-2025	18
BĐ 5. Xuất khẩu mực, bạch tuộc Việt Nam, QI/2025	20
BĐ 6. Top 5 thị trường XK thủy sản của Việt Nam, QI/2025	21
BĐ 7. Giá tại đầm tôm chân trắng nguyên liệu của Việt Nam, T1-T4/2025	33
BĐ 8. Giá tại đầm tôm sú nguyên liệu của Việt Nam, T1-T4/2025	34
BĐ 9. Tỷ trọng tôm XK theo loài, QI/2025	35
BĐ 10. Tỷ trọng tôm XK theo loài, QI/2025	35
BĐ 11. Cơ cấu thị trường NK tôm Việt Nam, QI/2024	37
BĐ 12. Cơ cấu thị trường NK tôm Việt Nam, QI/2025	37
BĐ 13. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ, QI/2025	38
BĐ 14. Giá TB XK tôm đông lạnh Việt Nam sang Mỹ, T1/2024-T3/2025	40
BĐ 15. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang EU, QI/2025	42
BĐ 16. Giá TB XK tôm đông lạnh Việt Nam sang Đức, T1/2024-T3/2025	44
BĐ 17. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Nhật Bản, QI/2025	46
BĐ 18. Giá TB XK tôm đông lạnh Việt Nam sang Nhật Bản, T1/2024-T3/2025	47
BĐ 19. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Hàn Quốc, QI/2025	49
BĐ 20. Giá TB XK tôm đông lạnh Việt Nam sang Hàn Quốc, T1/2024-T3/2025	50
BĐ 21. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Trung Quốc & HK, QI/2025	51
BĐ 22. Giá TB XK tôm đông lạnh Việt Nam sang Trung Quốc, T1/2024-T3/2025	53
BĐ 23. Giá cá tra nguyên liệu loại I tại Đồng Tháp, QI/2025	57
BĐ 24. Giá cá tra nguyên liệu cỡ 800-1000-1200g, QI/2025	57
BĐ 25. Xuất khẩu cá tra Việt Nam, QI/2024-2025	58
BĐ 26. Xuất khẩu cá tra sang các thị trường chính QI/2024-2025	59
BĐ 27. Giá trung bình xuất khẩu cá tra, T1-T3/2025	60
BĐ 28. Cơ cấu thị trường NK cá tra QI/2024	60
BĐ 29. Cơ cấu thị trường NK cá tra QI/2025	60
BĐ 30. Xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Trung Quốc & HK, QI/2024-2025	61
BĐ 31. Giá trung bình cá tra xuất khẩu sang Trung Quốc, QI/2024-2025	61
BĐ 32. Xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Mỹ, QI/2024-2025	62
BĐ 33. Giá trung bình cá tra xuất khẩu sang Mỹ, T1-T3/2024-2025	63
BĐ 34. Xuất khẩu cá tra Việt Nam sang EU, QI/2024-2025	65
BĐ 35. Giá trung bình xuất khẩu cá tra sang EU, QI/2022-2024	65
BĐ 36. Xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Mexico, QI/2024-2025	68
BĐ 37. Giá trung bình xuất khẩu cá tra sang Mexico, QI/2024-2025	68
BĐ 38. Xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Anh, QI/2024-2025	69
BĐ 39. Giá trung bình xuất khẩu cá tra sang Anh, QI/2022-2024	70

BĐ 40. Xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Brazil, QI/2024-2025	71
BĐ 41. Giá trung bình xuất khẩu cá tra sang Brazil, T1-T3/2022-2024	71
BĐ 42. XK cá ngừ Việt Nam, QI/2021-2024	74
BĐ 43. Xuất khẩu cá ngừ Việt Nam theo mã HS, T1/2024 - T3/2025	75
BĐ 44. Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam, T1/2024 - T3/2025	75
BĐ 45. Cơ cấu thị trường NK cá ngừ của Việt Nam, QI/2025	77
BĐ 46. Cơ cấu thị trường NK cá ngừ của Việt Nam, QI/2024	77
BĐ 47. Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang Mỹ, T1/2024 - T3/2025	78
BĐ 48. Giá TB nhập khẩu thịt/loin cá ngừ đông lạnh của Việt Nam vào Mỹ, T1/2024 - T3/2025	79
BĐ 49. Giá TB nhập khẩu loin cá ngừ hấp đông lạnh của Việt Nam vào Mỹ, T1/2024 - T3/2025	79
BĐ 50. Nhập khẩu cá ngừ của Mỹ, 2022 - 2024	80
BĐ 51. XK cá ngừ Việt Nam sang EU, T1/2024 - T3/2025	82
BĐ 52. Nhập khẩu cá ngừ đóng hộp của EU, 2019 - 2024	84
BĐ 53. XK cá ngừ Việt Nam sang Nhật Bản, T1/2024 - T3/2025	85
BĐ 54. Giá TB XK loin cá ngừ hấp đông lạnh HS16 của Việt Nam sang Nhật Bản, T1/2024 - T3/2025	86
BĐ 55. Giá TB XK thịt/loin cá ngừ đông lạnh HS0304 của Việt Nam sang Nhật Bản, T1/2024 - T3/2025	86
BĐ 56. Cơ cấu thị trường NK Mực, bạch tuộc, QI/2024	91
BĐ 57. Cơ cấu thị trường NK Mực, bạch tuộc, QI/2025	91
BĐ 58. Giá TB XK mực, bạch tuộc đông lạnh của VN sang Hàn Quốc T1/2024-T3/2025	93
BĐ 59. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang Hàn Quốc, QI/2025	94
BĐ 60. Giá TB XK mực, bạch tuộc đông lạnh của VN sang Nhật Bản, T1/2024-T3/2025	96
BĐ 61. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang Nhật Bản, QI/2025	97
BĐ 62. Giá TB XK mực, bạch tuộc đông lạnh của VN sang Trung Quốc, T1/2024-T3/2025	98
BĐ 63. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang Trung Quốc & HK, QI/2025	99
BĐ 64. Giá TB XK mực, bạch tuộc đông lạnh của VN sang Italy, T1/2024-T3/2025	101
BĐ 65. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang EU, QI/2025	101
BĐ 66. Xuất khẩu cua ghe của Việt Nam, Quý I/2016 - 2025	106
BĐ 67. XK cua ghe của Việt Nam T1/2024-T3/2025	106
BĐ 68. Cơ cấu thị trường NK Cua ghe của Việt Nam, QI/2025	107
BĐ 69. Cơ cấu thị trường NK Cua ghe của Việt Nam, QI/2024	107
BĐ 70. XK chả cá, surimi của Việt Nam, T1/2024 - T3/2025	109
BĐ 71. Cơ cấu thị trường NK Chả cá, surimi, của Việt Nam, QI/2025	110
BĐ 72. Cơ cấu thị trường NK Chả cá, surimi, của Việt Nam, QI/2024	110
BĐ 73. 10 đối tác thương mại thủy sản hàng đầu của Hoa Kỳ, theo mã HS 03	115
BĐ 74. 10 đối tác thương mại thủy sản hàng đầu của Hoa Kỳ, theo mã HS 16	116